TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/DS-ST
Ngày 26-5-2023
Vv tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Xuân Chiến.

2. Ông Nguyễn Đình Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần B, địa chỉ: 109 T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Huy C, sinh năm 1986; địa chỉ: 134-136 T, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B và Văn bản ủy quyền số 04/2023/GUQ-LPB.BĐ ngày 14 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Chi nhánh Bình Định); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

2. Chị Trần Thị Hương N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 8 năm 2022, lời khai trong quá trình giải

quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 28 tháng 10 năm 2019 chị Trần Thị Hương N và anh Nguyễn Văn Q có ký hợp đồng tín dụng số HDTD490201901091 để vay của Ngân hàng TMCP B số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay mua sắm đồ gia dụng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay 9,1%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng chị N, anh Q. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng chị N, anh Q nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2023, vợ chồng chị N, anh Q chỉ trả được một phần gốc và lãi, còn nợ gốc 54.240.000 đồng, nợ lãi 21.229.241 đồng và phạt lãi 1.415.101 đồng, tổng dư nợ là 76.884.342 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị N, anh Q trả cho Ngân hàng số nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần B cho vợ chồng chị Trần Thị Hương N và anh Nguyễn Văn Q vay để mua sắm đồ dùng gia đình. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vợ chồng chị N, anh Q cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vợ chồng chị Trần Thị Hương N, anh Nguyễn Văn Q vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng chị N, anh Q.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho vợ chồng chị Trần Thị Hương N, anh Nguyễn Văn Q cũng như triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án. Tuy nhiên vợ chồng chị N, anh Q không có mặt cũng không cung cấp văn bản ý kiến của mình về nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của Ngân hàng cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Mặc dù không có sự thừa nhận của vợ chồng chị N, anh Q nhưng thông qua Hợp đồng tín dụng có chữ ký của vợ chồng chị N, anh Q thì chứng tỏ vợ chồng chị N, anh Q có vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh Bình Định.

[4] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số HDTD490201901091 ngày 28 tháng 10 năm 2019, Chứng từ giải ngân giữa bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh Bình Định và bên vay là vợ chồng chị Trần Thị Hương N, anh Nguyễn Văn Q vay số tiền 100.000.000 đồng, để mua sắm đồ dùng gia đình, thỏa thuận lãi suất 9,1%/năm, lãi quá hạn đối với nợ gốc là 150% lãi suất trong hạn, lãi suất tiền vay cố định trong suốt thời gian vay vốn. Tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2023, vợ

chồng chị N, anh Q còn nợ của Ngân hàng số tiền nợ gốc 54.240.000 đồng, nợ lãi 21.229.241 đồng và phạt lãi 1.415.101 đồng, tổng dư nợ là 76.884.342 đồng. Do vợ chồng chị N, anh Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần B, buộc vợ chồng chị N, anh Q phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi, phạt lãi nêu trên.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng chị Trần Thị Hương N, anh Nguyễn Văn Q phải chịu 76.884.342 đồng x 5% = 3.844.000 đồng. Vì toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần B được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc vợ chồng chị Trần Thị Hương N, anh Nguyễn Văn Q trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B tổng số tiền 76.884.342 (bảy mươi sáu triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi hai) đồng; trong đó nợ gốc là 54.240.000 (năm mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng, nợ lãi là 21.229.241 (hai mươi mốt triệu hai trăm hai mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi mốt) đồng và phạt lãi 1.415.101 (một triệu bốn trăm mười lăm nghìn một trăm lẻ một) đồng.

Kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2023, vợ chồng chị N, anh Q còn phải chịu khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi tương ứng với lãi suất của Hợp đồng tín dụng số HDTD490201901091 ngày 28 tháng 10 năm 2019 trên số dư nợ gốc cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí: Vợ chồng chị Trần Thị Hương N, anh Nguyễn Văn Q phải chịu 3.844.000 (ba triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B 1.640.000 (một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001302 ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên